

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 24/2017/DSST

Ngày 20/7/2017

Về việc “Tranh chấp quyền sử
dụng đất và yêu cầu hủy quyết
định cá biệt”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hòa.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Thanh Liên.**

Ông **Trần Công Nho.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Ly Ly**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:*
Bà **Nguyễn Thị Hà** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh
Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2016/TLST-DS ngày
28 tháng 10 năm 2016 về việc “***Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy
quyết định cá biệt***”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐST-DS
ngày 17 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Tộc họ A.**

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông **Châu T**, sinh năm 1933.

+ Ông **Châu L**, sinh năm 1945.

+ Ông **Châu Ngọc Đ**, sinh năm 1954.

+ Ông **Châu Ngọc Q**, sinh năm 1935.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. (Văn bản ủy
quyền ngày 12/11/2016).

- Bị đơn: Ông **Châu Ngọc H**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Bùi Thị M**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M – Chủ tịch UBND huyện N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn T – Phó chủ tịch UBND huyện N. (Văn bản ủy quyền ngày 14/11/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện N: Ông Trần Đình M – Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và tại các văn bản có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Tộc họ A ông Châu T, Châu L, Châu Ngọc Đ, Châu Ngọc Q trình bày:

Nguyên nguồn gốc đất mà vợ chồng ông Châu Ngọc H đang sử dụng có một phần là của Tộc A. Diện tích đất này họ tộc A đã có từ 3 đời nay, khi ông Châu N đi tập kết ra Bắc về thì không có nhà để ở nên ông N được Nhà nước cấp cho một nhà tình nghĩa để ở nhưng sau đó ông N để lại toàn bộ diện tích đất và nhà này cho ông Châu Ngọc H1, nhưng thời điểm đó ông H1 sống không có trách nhiệm với tộc họ nên ông N cho ông Châu T để phục vụ luôn nhà thờ tộc. Sau đó ông Châu T cho lại con trai là Châu Ngọc H toàn bộ nhà đất tình nghĩa này vì ông H lập gia đình trước, trong giấy cho nhà đất không ghi diện tích ranh giới.

Không hiểu lý do gì mà năm 1997 hộ ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích đất trong đó có đất hương khói của tộc họ. Riêng nhà thờ của Tộc A thì do UBND xã T quản lý.

Nay nhà thờ họ tộc xuống cấp, con cháu càng nhiều nên Tộc A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Châu Ngọc H và bà Bùi Thị M trả lại cho Tộc A diện tích đất 212,2m² đất tại thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 028110 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ ông Châu Ngọc H ngày 11/10/1997 đối với thửa đất số 753a, tờ bản đồ số 09.

Tại các văn bản có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Châu Ngọc H trình bày:

Sau ngày giải phóng ông Nội bác ông là ông Châu N đi tập kết về thì còn đất nhưng nhà không còn nên ông N ở với người con gái. Đến năm 1987 ông N

được Nhà nước hỗ trợ vật liệu để làm nhà tình nghĩa cho ông N ở. Năm 1988 ông N nhận ông làm cháu nuôi vì con trai trưởng của ông N đã hy sinh. Năm 1966 ông N cho ông nhà, đất để ông chăm sóc, phụng dưỡng ông N lúc tuổi già, thờ phụng ông N, con trai và con gái ông N lúc chết. Vợ chồng ông quản lý, sử dụng nhà đất đến nay đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997.

Nay Tộc họ A tranh chấp yêu cầu trả đất và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông, ông không đồng ý vì nhà thờ tộc vẫn còn, đất nhà thờ vẫn còn để sử dụng. Diện tích đất Nhà nước cấp cho vợ chồng ông là diện tích đất ông được ông Châu N tặng cho hợp pháp và ông đã kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tại các văn bản có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị M thống nhất lời trình bày của ông Châu Ngọc H.

Tại các văn bản có tại hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N do ông Trương Văn T đại diện trình bày:

Thực hiện Nghị định 64/CP, ông Châu Ngọc H đứng tên chủ sử dụng đất và được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 753a, tờ bản đồ số 09, diện tích 378m², loại đất ở và vườn. Tộc họ A không có đứng tên chủ sử dụng đất tại vị trí này, qua đối chiếu với bản đồ 64/CP thì vị trí đất có nhà thờ của Tộc họ A hiện nay trùng với vị trí thửa 753b, tờ bản đồ 09, diện tích 120m², loại đất nghĩa địa, do UBND xã T1 (Nay là UBND xã T) quản lý.

Thực tế hộ ông Châu Ngọc H sử dụng diện tích 417,1m², chênh lệch lớn hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 39,1m².

Thực tế Tộc họ A sử dụng đất với diện tích 124,2m², chênh lệch lớn hơn so với diện tích thửa 753b, tờ bản đồ số 09 là 4,2m². Hiện nay trên diện tích đất này có nhà thờ lâu đời của Tộc họ A nhưng trong bản đồ 64/CP lại ghi nhầm đất nghĩa địa như đã nêu trên là không đúng với thực tế. Theo đó, diện tích đất 124,2m² này nếu được sử dụng ổn định, không có tranh chấp và được UBND xã T đề nghị thì được UBND huyện xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích đất tranh chấp thuộc phạm vi thửa 753a, tờ bản đồ 09 do ông Châu Ngọc H đứng tên chủ sử dụng đất và được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP.

Trình tự thủ tục đứng tên chủ sử dụng đất của hộ ông Châu Ngọc H và việc UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Châu Ngọc H là theo quy định Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ.

Việc thực hiện Nghị định 64/CP trên địa bàn huyện N nói chung và xã T nói riêng được thực hiện công khai, thông báo rộng rãi cho các hộ dân trên địa giới hành chính biết để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất. Việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất là trên cơ sở việc sử dụng đất ổn định của hộ gia đình, cá nhân, đất không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch được Ban nhân dân thôn, UBND xã và Trung tâm Kỹ thuật địa chính (Nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) tiến hành xác định ranh giới trên thực địa để đo đạc, thành lập bản đồ địa chính. Bản đồ địa chính khi lập xong, được UBND xã xác nhận đúng hiện trạng và được cấp thẩm quyền là Sở địa chính phê duyệt là căn cứ pháp lý để hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thực hiện việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất hợp pháp của mình.

Trên cơ sở bản đồ địa chính được thành lập và việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất là hợp pháp thì người sử dụng đất được đứng tên trong Sổ địa chính do Sở địa chính phê duyệt. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện là trên cơ sở người sử dụng đất có đứng tên trong Sổ địa chính và được UBND xã xác nhận và đề nghị.

Từ những cơ sở nêu trên cho thấy, việc Tộc họ A tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Châu Ngọc H và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp cho hộ ông Châu Ngọc H tại thửa 753a, tờ bản đồ 09 là không có cơ sở.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam cho rằng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Quá trình sử dụng đất Tộc họ A không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, không có chứng cứ gì để chứng minh diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của Tộc họ A. Tộc A chỉ cung cấp 01 giấy giao trách nhiệm phụng sự ông bà của ông Châu N cho cháu L, H4, H, thiếu H nhưng giấy này thể hiện viết vào ngày 02/9/1991 trước thời điểm ông Châu N cho nhà và đất cho vợ chồng ông Châu Ngọc H năm 1996. Từ cơ sở trên, đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tộc họ A.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ có tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Tộc họ A là ông Châu T, ông Châu L, ông Châu Ngọc Đ, ông Châu Ngọc Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Châu Ngọc H và bà

Bùi Thị M trả lại cho Tộc họ A diện tích đất 212,2m² đất tại thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 028110 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ ông Châu Ngọc H ngày 11/10/1997 đối với thửa đất số 753a, tờ bản đồ số 9. Ngược lại ông Châu Ngọc H và bà Bùi Thị M không đồng ý và cho rằng diện tích đất tranh chấp 212,2m² trên có nguồn gốc của ông Châu N tặng cho vợ chồng ông, bà và ông, bà đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 028110 ngày 11/10/1997. Do đó, ông H và bà M không đồng ý với yêu cầu của Tộc họ A.

HĐXX xét thấy:

Về tố tụng:

[1]. Tộc họ A khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt; yêu cầu trên là quan hệ tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 9 Điều 26 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện N là đúng quy định pháp luật theo Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[3]. Căn cứ Công văn số 158/UBND-TNMT ngày 01/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N (BL 139) và Công văn số 09/UBND ngày 27/3/2017 của UBND xã T (BL 152) xác định: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 212,2m² do ông Châu N sử dụng trước ngày 18/12/1980. Theo hồ sơ 299/TTg diện tích đất tranh chấp do ông Châu N đứng tên chủ sử dụng đất đối với diện tích đất 900m² thuộc thửa 515, tờ bản đồ số 03, loại đất thổ cư. Theo hồ sơ 64/CP thì diện tích đất tranh chấp do hộ ông Châu Ngọc H đứng tên chủ sử dụng đất diện tích 378m², thuộc phạm vi thửa 753a, tờ bản đồ số 09, loại đất ở và vườn. Việc xác nhận trên phù hợp với sổ đăng ký ruộng đất theo hồ sơ 299/TTg do UBND xã T quản lý (BL 144), ông Châu N kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 900m² thuộc thửa 515, tờ bản đồ số 03 và phù hợp với Sổ địa chính theo hồ sơ 64/CP UBND xã T1 (Nay là xã T) quản lý (BL 151), ông Châu Ngọc H kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 378m², thuộc phạm vi thửa 753a, tờ bản đồ số 09 và được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 028110 ngày 11/10/1997 (BL 153).

[4]. Điều này phù hợp với diện tích đất mà ông Châu N tặng cho vợ chồng ông Châu Ngọc H và bà Bùi Thị M thể hiện tại Giấy cho nhà vào ngày 16/3/1996 (BL 84,85) có nội dung: Ông Châu N tặng cho vợ chồng ông Châu Ngọc H và bà Bùi Thị M diện tích ngôi nhà 36m², nhà ngang 16m², nhà dưới 15m², 01 giếng nước, đầy đủ phương tiện sinh hoạt trong nhà, còn diện tích đất

vườn là 385m² được trọn quyền sử dụng, sở hữu và định đoạt, không ai có quyền tranh chấp. Giấy cho nhà này được Ban nhân dân thôn 3 do ông Nguyễn Văn T xác nhận ngày 18/3/1996 chữ ký của ông Châu N ký cho nhà ông Châu Ngọc H là cháu của ông là đúng; và UBND xã T1 do ông Châu Ngọc H2 ký xác nhận vào ngày 18/3/1996 chữ ký của ông Châu N là đúng. Điều này phù hợp với lời khai của ông Châu Ngọc H2 thừa nhận vào ngày 18/3/1996 ông Châu N, ông Châu T, ông Châu Ngọc H có đến UBND xã T1 để ký xác nhận việc cho nhà và đất ông Châu Ngọc H một ngôi nhà tình nghĩa trên diện tích 385m² tại thôn 3, xã T1, huyện N, tỉnh Quảng Nam và ông là người ký xác nhận chữ ký của ông Châu N với tư cách là Phó chủ tịch UBND xã T1, khi ông Châu N đem giấy cho nhà ngày 16/3/1996 đến UBND xã T1 ký xác nhận thì có sự xác nhận của ông Nguyễn Văn T - Ban nhân dân thôn 3 vào ngày 18/3/1996 xác nhận chữ ký của ông Châu N ký cho nhà ông Châu Ngọc H là cháu của ông là đúng (BL 168).

[5]. Ngoài ra, lời khai của ông Châu Ngọc H còn phù hợp với lời khai của những người làm chứng bà Châu Thị B là con gái ruột của ông Châu N cho rằng khi ông Châu N còn sống có để lại tài sản là ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất khoảng 400m² tại thửa đất số 753a, tờ bản đồ số 9 cho vợ chồng cháu trai Châu Ngọc H và vợ chồng ông H có lo việc cúng, thờ phụng ông bà chu đáo (BL 161); phù hợp với lời khai của ông Châu Ngọc H1 (BL 167) cho rằng ông có biết việc ông Châu N cho nhà và đất ông Châu Ngọc H.

[6]. Bên cạnh đó, phù hợp với diện tích đất qua đo đạc hiện trạng thực tế theo biên bản và sơ đồ thẩm định ngày 13/4/2016 (BL 68, 69, 76) là 417,1m², có chênh lệch nhiều hơn so với diện tích đất ông Châu N tặng cho vợ chồng ông Châu Ngọc H kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất 39,1m². Tuy nhiên, căn cứ vào Công văn số 1416/UBND-TNMT ngày 22/11/2016 của UBND huyện N (BL 118) thể hiện việc tăng diện tích lên do phương tiện kỹ thuật và phương pháp đo đạc khi thực hiện Nghị định 64/CP và hiện nay là khác nhau.

[7]. Do đó, trong tổng diện tích đất hộ ông Châu Ngọc H được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 028110 ngày 11/10/1997 tại thửa 753a, tờ bản đồ số 9, diện tích 378m², qua đo đạc thực tế diện tích 417,1m². Tuy nhiên, Tộc họ A không tranh chấp diện tích đất có nhà 204,9m² mà chỉ tranh chấp diện tích đất 212,2m² như sơ đồ đo vẽ qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2016 (BL 76).

[8]. Như phân tích trên, Tộc họ A khởi kiện yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 028110 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ ông Châu Ngọc H ngày 11/10/1997 đối với thửa đất số 753a, tờ bản đồ số 09 là không có cơ sở, Tộc họ A không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Mặt khác, diện tích đất mà Tộc họ A có nhà thờ Tộc họ A không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, không thực hiện chính sách đất đai của nhà nước qua các thời kỳ; theo hồ sơ 299/TTg Tộc họ A không kê khai, theo hồ sơ 64/CP thì diện tích đất có nhà thờ Tộc họ A do UBND xã T1

(Nay là UBND xã T) kê khai, đăng ký thửa 753b, tờ bản đồ 09, diện tích 120m², thể hiện đất nghĩa địa. Điều này phù hợp qua đo đạc hiện trạng thực tế diện tích đất có nhà thờ Tộc họ A là 124,2m² (Có chênh lệch 4,2m²), việc chênh lệch trên UBND huyện N xác định tại Công văn số 1416/UBND-TNMT ngày 22/11/2016 (BL 118) do phương tiện kỹ thuật và phương pháp đo đạc khi thực hiện Nghị định 64/CP và hiện nay là khác nhau và UBND huyện N cũng xác định tại Công văn số 1416/UBND-TNMT ngày 22/11/2016 trên diện tích đất 124,2m² có nhà thờ lâu đời của Tộc họ A nhưng trong bản đồ 64/CP lại ghi nhầm đất nghĩa địa là không đúng với thực tế. Theo đó, diện tích đất 124,2m² này nếu được sử dụng ổn định, không có tranh chấp và được UBND xã T đề nghị thì được UBND huyện xem xét để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[9]. Tại phiên tòa, ông Châu Ngọc Đ cho rằng có giấy giao trách nhiệm phụng sự ông bà của ông Châu N (Ông B) cho cháu L, H4, H, thiêm H và ông N để lại diện tích đất này cho con cháu nhưng giấy này thể hiện viết vào ngày 02/9/1991 trước thời điểm ông Châu N cho nhà và đất cho vợ chồng ông Châu Ngọc H năm 1996 nên lời trình bày của ông Đ đại diện cho Tộc họ A là không có cơ sở.

[10]. Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tộc họ A đối với yêu cầu buộc ông Châu Ngọc H trả lại diện tích 212,2m² đất tại thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 028110 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ ông Châu Ngọc H ngày 11/10/1997 đối với thửa đất số 753a, tờ bản đồ số 09.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Tộc họ A không được chấp nhận nên Tộc họ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Do yêu cầu khởi kiện của Tộc họ A không được chấp nhận nên Tộc họ A phải chịu 3.000.000 đồng (Đại diện ông Châu T đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 100, Điều 101, Điều 166, điểm i khoản 1 Điều 169; khoản 1, khoản 2 Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án:

- Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tộc họ A đối với yêu cầu buộc ông Châu Ngọc H trả lại diện tích 212,2m² đất tại thôn P, xã T, huyện N,

tỉnh Quảng Nam và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 028110 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ ông Châu Ngọc H ngày 11/10/1997 đối với thửa đất số 753a, tờ bản đồ số 09.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Tộc họ A phải chịu án phí 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng y), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0014210 ngày 08/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Nam do ông Châu L nộp.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Tộc họ A phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng y), (Đại diện ông Châu T đã nộp đủ).

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 20/7/2017). Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam
- THADS tỉnh Quảng Nam
- THADS huyện N
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Án văn

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa